

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 30/03/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình.

Ôngng Vũ Xuân Dư.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ – sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn hợp pháp với nhau đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Đ tại xã V được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Bản thân chị là người vợ đã cố gắng chịu đựng để mong vợ chồng có tiếng nói chung nhưng anh Đ không nghe mà luôn kiếm cớ chửi

mắng xúc phạm chị. Do không chịu đựng được nên tháng 9 năm 2020 chị đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã N, huyện N sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Văn Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung cháu Đỗ Hồng A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019, thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu A và chị không yêu cầu anh Đ vụ cấp dưỡng đối với cháu A.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2021 của bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tương đối hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đôi khi vợ chồng có xảy ra lục đục, va chạm nhỏ nhưng không đáng kể. Ngày 18 tháng 7 năm 2020 chị H đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị H để ở. Anh đã đi tìm chị H nhiều lần nhưng chị H luôn chôn tránh anh, không muốn về đoàn tụ. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Mặt khác anh theo là người theo đạo thiên chúa nên không được phép ly hôn. Trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu đơn phương của chị H và theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung cháu Đỗ Hồng A sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019, trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đỗ Hồng A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn Đ không phải cấp dưỡng đối với cháu A. anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đỗ Văn Đ có nơi cư trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Đỗ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau. Cả chị H và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và từ giữa năm 2019 chị H đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã N, huyện N sinh sống đồng thời anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Đ có văn bản ý kiến thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn vì gia đình anh theo đạo thiên chúa nên không được phép ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Quá trình sau đó anh Đ không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh Đ không thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh cũng bỏ mặc và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V thể hiện: Chị H và anh Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Đ tại xã V được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo dư luận quần chúng và phản ánh của gia đình anh Đ thì địa phương biết

được chị H và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra lục đục cãi chửi nhau. Từ giữa năm 2020 đến nay thì chị H đã về nhà bố mẹ để sinh sống, không quay về sinh sống cùng anh Đ nữa. Chị H và anh Đ sống ly thân mỗi người ở một nơi. Nay chị H xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau hơn một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có một con chung cháu Đỗ Hồng A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Ân do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cả chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A. Tuy nhiên cháu A hiện nay mới được 20 tháng tuổi về nguyên tắc phải giao cho mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nay cần giao cháu Đỗ Hồng A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị H không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng đối với cháu A nên anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hồng A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Đỗ Văn Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002507 ngày 12 tháng 1 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã N, huyện N,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**